

Bản án số: 250/2018/HS - ST
Ngày 13 - 11 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thùy D

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Lò Văn Hải

Ông: Lương Văn Hịa

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Châm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nhữ Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 249/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 257/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lù Văn D. Tên gọi khác: Không; sinh năm 1988

Tại: Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lù Văn T (đã chết) và con bà: Lò Thị N; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26/4/2011 bị Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng; ngày 09/8/2013 bị TAND thành phố Đ xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; ngày 11/3/2015 bị TAND thành phố Đ xử phạt 15 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo đã được xóa án tích và được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị bắt tạm giam từ ngày 13/8/2018. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại:

1. Ông Lò Văn S. Sinh năm 1959

Nơi cư trú: Đội 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Lương Văn T. Sinh năm 1991.

Nơi cư trú: Đội 11, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị L. Sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Đội 9, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Chị Vũ Thị L. Sinh năm 1973

Nơi cư trú: Đội 6, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên (vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong các ngày 24/7/2018 và ngày 31/7/2018, Lò Văn D đã 02 lần lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền chi tiêu cá nhân cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 19 giờ ngày 24/7/2018, Lò Văn D từ nhà mình treo qua hàng rào lưới thép B40 theo lối bờ ao sang nhà ông Lò Văn S ở đội 11, xã T, huyện Đ mục đích để trộm cắp tài sản. Lợi dụng lúc gia đình ông S đang ăn cơm ở gầm sàn không để ý, D ra phía phòng ngủ của ông S đạp chân vào cọc tre chôn sát tường nhà đu người bám treo qua cửa sổ xây bằng gạch vào trong phòng ngủ. D đã lén lút lấy 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Neo 7s màu trắng vàng đồng màn hình cảm ứng cùng dây sạc điện thoại ở đầu giường ngủ cho vào túi quần bên trái đang mặc rồi theo lối cũ ra ngoài. Sau đó D mang chiếc điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại cũ của bà Nguyễn Thị L nói dối là điện thoại của mình và bán cho bà Lanh với giá 300.000 đồng. Số tiền này D đã chi tiêu hết.

Lần 2: Khoảng 02 giờ ngày 31/7/2018, D đi bộ tại khu vực đội 12, xã T, huyện Đ. Khi đến khu nhà tập thể của Công an huyện Điện Biên, nhìn xung quanh không có ai, D đã trèo tường rào sắt đến khu vực phòng ngủ thứ 2 tầng 1 thuộc dãy nhà tập thể ba tầng Công an huyện Điện Biên, thấy cửa phía sau phòng ngủ thứ 2 tầng 1 không khóa D đã trèo qua lan can vào trong phòng. Khi vào phòng thấy anh Lương Văn T đang ngủ, ở đầu giường gần chỗ anh T nằm có 02 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc điện thoại cảm ứng màu đen; 01 điện thoại loại bàn phím, D đã lén lút lấy chiếc điện thoại màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu REDMINOTE 4 của anh Tuấn rồi cho vào túi quần theo lối cũ ra ngoài. Khi đến bờ nương đoạn thuộc bản Chiềng An, xã Thanh An, huyện Điện Biên, D tháo sim điện thoại vứt xuống nương. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 31/7/2018, D gặp chị Vũ Thị L đang đi mô tô trên bờ nương, D nói dối

là điện thoại của mình, do đang cần tiền nên đã bán cho chị L chiếc điện thoại với giá 500.000 đồng. Số tiền bán điện thoại D đã chi tiêu hết.

Tại các bản kết luận định giá tài sản số 35/KL - ĐG ngày 01/8/2018 và số 43/KL - ĐG ngày 04/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Điện Biên kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Neo 7s, loại màn cảm ứng số loại Neo 7s A33FW có giá trị 2.100.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng màu đen nhãn hiệu REDMINOTE 4 có giá trị 3.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 194/CT-VKSDB ngày 15/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Lù Văn D về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173/BLHS.

Bị hại ông Lò Văn S và anh Lường Văn T vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Các bị hại đều đã nhận lại được tài sản bị mất nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại đều đề nghị HĐXX xét xử các bị cáo đúng theo quy định của pháp luật. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L và chị Vũ Thị L đều không đề nghị bị cáo hoàn trả lại số tiền đã mua điện thoại của bị cáo và cũng không đề nghị truy thu sung quỹ nhà nước.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Điện Biên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội "*Trộm cắp tài sản*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS. Xử phạt bị cáo Lù Văn D từ 15 tháng đến 18 tháng tù. Chấp nhận việc trả lại tài sản theo biên bản về việc trả lại đồ vật các ngày 07/8/2018; ngày 05/9/2018 giữa Công an huyện Điện Biên với bị hại Lò Văn S và Lường Văn T. Áp dụng Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến gì tranh luận, hoàn toàn nhất trí với bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã xuất trình những chứng cứ phù hợp với quy định

của pháp luật. Bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bằng việc lợi dụng vào sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu. Ngày 24/7/2018, bị cáo Lù Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO Neo 7s và dây sạc điện thoại có trị giá 2.100.000 đồng của ông Lò Văn S bán cho bà Nguyễn Thị L với giá 300.000 đồng. Sau khi bị bắt, trong quá trình điều tra bị cáo đã tự khai nhận ngoài lần trộm cắp tài sản của ông So, vào ngày 31 tháng 7 năm 2018, bị cáo còn thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại màn hình cảm ứng màu đen nhãn hiệu REDMINOTE 4 của anh Lương Văn T có trị giá 3.200.000 đồng và đã bán cho chị Vũ Thị L với giá 500.000 đồng. Với tổng giá trị tài sản cả hai lần bị cáo đã chiếm đoạt được là 5.300.000 đồng thì hành vi của bị cáo đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại Khoản 1 Điều 173/BLHS.

Cáo trạng của VKSND huyện Điện Biên truy tố bị cáo là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[3] Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến nền trật tự trị an, an toàn trong xã hội, đồng thời trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[3] Xét về năng lực trách nhiệm hình sự: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện tội phạm do lỗi cố ý trực tiếp.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã T, huyện Điện Biên, học hết lớp 9 thì nghỉ học. Ngày 26/4/2011 bị Chủ tịch UBND tỉnh Điện Biên Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc với thời hạn 24 tháng. Ngày 09/8/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Ngày 11/3/2015 bị TAND thành phố Điện Biên Phủ tỉnh Điện Biên xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Hai bản án trên bị cáo đã được xóa án tích. Bị cáo được coi là chưa có tiền án và chưa bị xử lý hành chính nhưng thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần lén lút chiếm đoạt tài sản, mỗi lần bị cáo chiếm đoạt tài sản đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo. Sau khi bị bắt về hành vi trộm cắp tài sản của ông Lò Văn S, bị cáo đã tự khai ra hành vi trộm cắp tài sản của anh Lương Văn T trong khi chưa ai phát hiện. Vì vậy bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r, điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS.

[5] Sau khi xem xét về hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải áp

dụng một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện cai nghiện đồng thời để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS, ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xong xét hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bản thân bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản bị cáo trộm cắp của ông Lò Văn S và anh Lường Văn T cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên thu hồi và trả lại cho ông So và anh Tuấn theo biên bản về việc trả lại đồ vật ngày 07/8/2018 và ngày 05/9/2018 giữa Công an huyện Điện Biên với bị hại. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chiếc dây sạc điện thoại bị cáo đã trộm cắp của ông Lò Văn S, bị cáo đã làm mất; chiếc sim điện thoại của anh Lường Văn T, bị cáo đã vứt xuống nương, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy. Anh T và ông S không yêu cầu bị cáo bồi thường. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Thị L và Vũ Thị L là những người mua điện thoại của bị cáo nhưng không biết tài sản đó do bị cáo phạm tội mà có nên không cấu thành tội phạm. Chị L và chị L đều không yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền đã mua điện thoại của bị cáo cũng không đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước. Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; Điểm r, s Khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52/BLHS.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lù Văn D phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".
2. Xử phạt bị cáo Lù Văn D 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giam (Ngày 13/8/2018)
3. Án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136/BLTTHS và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/11/2018). Các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Bộ phận HSNV CA H. Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLVLQ;
- Chi cục T.H.A Dân sự H. Điện Biên;
- T.H.A HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Đặng Thị Thùy Dương

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Bộ phận HSNV CA H. Điện Biên;
- Công an huyện Điện Biên;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Chi cục T.H.A Dân sự H. Điện Biên;
- T.H.A HS;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Thùy D